

Tiếp xúc văn hóa trong quá khứ để kinh nghiệm để

hướng tới nâng cao chất lượng giáo dục đời sống hôm nay

Đinh Văn

Đức

GS trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG HN

Việt Nam từ cuối thế kỷ 19 đã bước vào một thời kỳ mới trong lịch sử một trong những nội dung quan trọng đó là hội nhập quốc tế để cùng phát triển. Rõ ràng là trong lịch sử có những vấn đề trước kia chúng ta rất quan tâm thì bây giờ đã lùi vào hậu trường những vấn đề cũng những vấn đề mới đang đặt ra trong số đó có rất nhiều khía cạnh mà chúng tôi cho rằng vấn đề giao lưu giữa các nền văn hóa khác với Việt Nam trong quá khứ đã tạo ra những kinh nghiệm cho phát triển hôm nay trong điều kiện hoà bình và hội nhập là một trong những khía cạnh quan trọng của giáo dục.

Để xác định những vấn đề này cũng cần nhìn thấy rõ là nên bắt đầu từ đâu và cần có một quan niệm như thế nào về tiếp xúc văn hóa trong giáo dục Việt Nam, với nội dung vì cái gì gìn giữ sự văn hóa dân tộc trong phát triển và đó cũng là một kinh nghiệm tốt cho việc phát triển đời sống.

Trên thế giới về tiếp xúc văn hóa giữa các nền văn hóa về giao lưu đó là qui luật tất yếu và trong quá trình tiếp xúc mỗi nền văn hóa bản địa đã có những gì thay đổi, những gì bắt buộc những gì là khả biến và cái gì làm thành chất liệu cốt lõi về vấn đề văn hóa, cái chất liệu quy định tính độc lập của một dân tộc và đưa họ đi tới giai đoạn này sang giai đoạn khác. Trong quá khứ thì Việt Nam văn hóa đã có những tiếp xúc với những nền văn hóa khác nhau trong đó tiếp xúc với văn hóa Hán có cả từ ngàn năm và có những tiếp xúc diễn ra trong vài trăm năm và thậm chí chỉ diễn ra trong vài chục năm, những lâu dài hay ít đều có để lại những dấu ấn những biến đổi và những dấu ấn đó ngược lại Việt Nam rất dễ nhận ra trong quá trình hành xử của mình.

Ở đây vấn đề quan trọng nhất là sự tiếp xúc đó được ngược lại Việt Nam thế nào như thế nào khi tiếp xúc văn hóa rất phức tạp thậm chí còn có cả mâu thuẫn, những điều kiện tốt yếu nhất trong quá trình đó ngược lại Việt Nam tôn trọng những giá trị phổ quát (Universal) để nhìn tìm cách

nhị địa hóa

và tạo ra những đặc thù (Particular) cho mình và vì vậy cho nên là văn hóa Việt Nam trong tiếp xúc với quốc tế luôn luôn có những mặt bản sắc riêng, bản sắc riêng đó có những là những nhị địa hóa tức là

Sự tiếp xúc đầu tiên của văn hóa Việt Nam đã diễn ra rất dài trên một vùng văn hóa Trung Hoa và tiếp xúc đó quan trọng nhất là qua kênh nho giáo và văn tự và văn hóa Việt Nam từ thế kỷ XVII trở đi bắt đầu có những tiếp xúc với phương Tây trước tiên với người Bồ Đào Nha sau đó với người Hà Lan, người Anh sau nữa là người Pháp. Những tiếp xúc với phương Tây của Việt

cho một xã hội mà “dân giàu nước mạnh dân chủ công bằng văn minh”; đây cũng.

Nội dung của văn hoá Việt Nam trong thời kỳ mới đi lên tiếp nhận những cũng là những
và được các thế hệ hoá trong các hoạt động và
sở mệnh của nền giáo dục Việt Nam trong thời kỳ hiện đại

Giáo dục của chúng ta nay có nhiệm vụ mục tiêu nào là đào tạo nhân tài nào là đào tạo
nguồn lực nào là đáp ứng nhu cầu xã hội,... tất cả những điều đó là những nhu cầu và là mong
muốn của là những thiêu hụt của bù đắp. Giáo dục nước ta từ nay đến năm 2020 và những năm
sau có nhiệm vụ đòi hỏi cấp bách mà nước không bình tĩnh, không xuất phát từ nền văn hóa
Việt để tìm triết lý thì sẽ rất khó khăn. Không có triết lý thì không thể hành động thích hợp được.

Giáo dục, bao gồm cả giáo dục đời sống, nay tuy còn có nhiệm vụ khó khăn và những điều bất
cập nhưng rõ ràng là giáo dục Việt Nam trong mấy chục năm qua đã tích cực tham gia vào
sở mệnh là xoá đói giảm nghèo và góp phần đưa nước ta vào những công cuộc gia thu
nhập trung bình Hiện nay, theo chúng tôi văn hoá tiếp nhận của lòng yêu nước cũng tiếp tục
thúc đẩy đời sống Việt Nam tham gia tiếp vào sở mệnh xoá đói giảm nghèo trước khi đến nước
bước vào thời kỳ phát triển theo hướng hiện đại năm 2020.

Tôi sao lại nói như vậy?

Xin có vài lý giải: Thoạt tiên là trong cái tiếp xúc quá khứ thì văn hoá là yếu tố văn
hoá có khả năng bắt nhịp rất nhanh vào những cuộc gia có nền văn minh nông nghiệp để biến
nông thôn nước mà 90% thậm chí gần 100% người dân sống và hoạt động. Nền văn minh đó lúc
đầu rất kết thúc đời sống văn minh phương Tây, nó xa lạ với văn minh phương Tây nó xa lạ thì chi
tiết đến nguyên lý. Lúc đầu cái tiếp xúc giữa văn hoá Việt Nam với văn hoá phương Tây rất
khó khăn và luôn bế tắc như những nhà triết học “Ích nước, lợi nhà” khi nền văn hoá Việt Nam
đã không còn nguyên vẹn và đã uyển chuyển để khai thác và dần dần đến một kết quả trong thế kỷ
20. Tất cả rất công nhận trong số kết quả ví dụ như phong kiến Việt Nam trong thế kỷ XVIII, XIX
xung đột với văn minh phương Tây và được biết là số kết quả và sự đời sống với thiên chúa giáo
nhưng mà người Việt Nam cũng bình tĩnh nhìn nhận những khía cạnh hợp lợi ích văn minh
phương Tây.

Trong nửa cuối thế kỷ 19 và nửa đầu thế kỷ 20, Việt Nam kiên quyết chấp nhận lịch nô
dịch của thực dân Pháp, những nền di sản văn hoá Pháp trong tiếp xúc Pháp Việt. Điều
này đã đưa tiếp nhận văn hoá Việt Nam khá mạnh mẽ trong các lĩnh vực khoa học, giáo dục và
văn hóa. Tiếp xúc Pháp Việt vượt ra ngoài tầm kiểm soát của chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt
Nam và nó mang lại cho Việt Nam một luồng gió mới trên nhiệm vụ phương diện mà theo đó rất
phương hướng mới cho chủ nghĩa báo học thực dân. Trong các lĩnh vực đời sống mà ta gọi là tân thời (văn
học nghệ thuật giáo dục khoa học) người Việt Nam không thụ động là bắt chước Tây mà
nhận diện được những giá trị của văn hoá phương Tây và tiếp nhận nó một cách rất tự
nhiên bản năng và khi đã tiếp nhận thì cũng kiên quyết đi mới. Lịch sử tiếp nhận Việt Nam
thì cũng đã có mấy lần đời mới đầu tiên là Việt Nam đã chấp nhận văn hoá coi đời sống là một hệ thống
tiếp nhận giúp cho việc công phát triển nền đời sống dân tộc với chủ đề phong kiến, sau đó văn
hoá Việt Nam đã tiếp nhận bước chấp nhận đời mới khi tiếp nhận với văn hoá và văn minh phương Tây,

Mũi đây là sự đổi mới khi nước Việt Nam giành độc lập thống nhất đi theo xu hướng độc lập, tự chủ đời sống, tham gia toàn cầu hoá mà vẫn giữ gìn bản sắc Việt Nam. Tất nhiên không chỉ có Việt Nam mà nhiều nước cũng làm như thế nhưng rõ ràng là chúng ta có ý thức và vận động đó chúng ta có hành động và vận động đó chúng ta cũng mong muốn vận động đó, khi đất nước của ta đổi sang Độc lập.

Quả thật trong tiếp xúc văn hoá với nước ngoài chúng ta cũng rất nhiều hiện tượng phức tạp mâu thuẫn nhưng chúng ta phải thấy cái gì là cái yêu cầu cần bản, yêu cầu cần bản đó là bảo tồn những truyền thống hai là phát triển độc lập trong những điều kiện mới trong những bối cảnh mới và mới là tái cấu trúc thì Việt Nam không phải bắt chước mà Việt Nam phải tự mình hoá giải các mâu thuẫn để biến sự tiếp xúc đó thành nội lực của mình. Tôi lấy một ví dụ, là những ngôn ngữ học chúng tôi rất hiểu rất rõ giá trị của cách thức Hán Việt. Rõ ràng tiếng Hán vào Việt Nam với một áp lực vô cùng mạnh mẽ bởi vì cái mạnh mẽ ấy không chỉ là áp lực của một nền văn hoá lớn mà còn sức mạnh của tiếng Hán trong khu vực còn là sức mạnh của nho giáo và nền kinh tế Hán. Riêng với một nhà nước thì chính sách đồng hoá của phong kiến phương Bắc đã gây ra bao khó khăn cho văn hoá Việt những tiếng Hán vào Việt Nam đã không làm cho tiếng Việt bị Hán hoá mà ngược lại tiếng Hán đã được Việt hoá. Hình thức cách thức Hán Việt đã trở thành một kết quả tuyệt vời trong cuộc giao lưu văn hoá giữa Hán ngữ và Việt ngữ. Ngày nay chúng ta thấy tuy 65% vận tải vận chuyển tiếng Việt hiện đại, được biết những thuật ngữ khoa học, xã hội, chính trị hình thành từ vận Hán Việt kết hợp những lĩnh vực mới nhất như là kết thuật số hoá, truyền thông, tiếp thị, công nghệ thông tin... ngược lại ta sử dụng Hán Việt như là một cái vận tải của tiếng Việt vì nó được Việt hoá, Việt hoá trong phát âm Việt hoá trong cách sử dụng và Việt hoá trong khi gia nhập vào hệ thống Việt. Tuy nhiên chúng ta thấy không đơn giản là vì truyền thống văn hoá Việt có từ lâu, khi nho giáo vào Việt Nam thì nước Việt Nam đã có hàng ngàn năm trước đã có lãnh thổ rộng lớn và đã xác lập cái nền cho văn hoá Việt có thể tiếp nhận và có thể biến đổi hoá được cái mới. Chúng ta thấy với một tôn giáo Thiên chúa giáo là một tôn giáo hoàn toàn mang tính chất phương Tây lúc đầu khi tiếp cận bản địa Việt Nam thì bị chặn đứng rất nhiều những sau đó được một phần những Việt Nam tiếp nhận. Sự hoá giải giữa Thiên chúa giáo với một đất nước phong kiến và nho giáo quá phức tạp khó khăn và các khó khăn khi những ngày nay đất nước Việt Nam có tới hơn 7 triệu bà con giáo dân sống đồng hành cùng với Tổng quố, dân tộc Việt Nam hoà nhập chung với cùng đồng Việt cùng tôn giáo và với những tôn giáo khác, mà sự chung quy đồng là gì, mà sự chung đó chính là văn hoá Việt Nam và trên hết là Tổng quố Việt Nam dân tộc Việt Nam con người Việt Nam và những giá trị Việt từ đời này qua đời khác. Ngược lại ta khó tưởng tượng được rằng một một ngôi làng trong nông thôn Việt Nam thì đầu này có nhà thờ Thiên chúa giáo đầu kia làng thì có chùa rồi có đền thờ thành hoàng và tất cả đầu chung sống trong một mái nhà. Phải gian khổ chết đói như thế nào, kinh nghiệm quá khổ phải thế nào, có dân tộc có am hiểu và chính trị am hiểu và văn hoá thế nào thì mới biến đổi thành quan trọng đó là đạo đức và ý. Chính vì những Việt Nam hiểu được rằng tôn giáo có những mặt tích cực và nó có thể góp phần vào việc phát triển xã hội Việt Nam và nó cũng chính là cầu nối tiếp xúc văn hoá đông tây. Có thể nói rằng sự tiếp xúc văn hoá trong quá khứ giữa Việt Nam và Hán giữa Việt Nam và phương Tây đã tạo nên hai luồng cầu nối cho sự hình thành và phát triển những rất nhiều những các phát triển xã hội được biết trong lĩnh vực xã hội và nhân văn trong quãng thời gian kết thúc khi nước Việt Nam giành độc lập độc lập nay và hai dòng đó cũng luôn luôn tồn tại trong một những hiện tượng mà đây chúng tôi sẽ phân tích để thấy khía cạnh giáo dục như là một trong những nét phát triển rõ ràng nhất. Văn hoá Việt Nam đã có kinh nghiệm trong tiếp xúc hai dòng văn hoá là tiếp xúc với nho giáo

đời mới nghĩa là không giữ nguyên cái cũ nữa mà phải có cách tiếp cận mới và đổi mà làm đổi mới cái đó phải có tư duy phân tích, phê phán nghĩa là phải có lô gích để khám phá bản chất và các quy luật của vấn đề. Phê phán không phải để ngoài phê phán mà đi tìm bên trong và phải nhìn thấy những cái khiếm khuyết của hàng thế giới giáo dục nhỏ giáo mà phải có cách lý giải mới thì mới giải quyết được khó khăn của đời học sinh.

Tiếp xúc giáo dục của Việt Nam và phương Tây tiêu biểu nhất là từ cuối thế kỷ 19 khi mà nước Pháp thực dân bắt đầu đô hộ Việt Nam và kéo dài tới gần 80 năm. Nước giáo dục mới này mang không khí của châu Âu thay vì trước kia là lấy châu Á làm trung tâm. Những cái cách giáo dục tuy phương Tây nhưng cái mới những cái này có ba vấn đề là a) sự tiếp xúc tự nhiên và b) chấp nhận sự tham gia của nhà nước tức là chính quyền chấp nhận thực dân Pháp, c) từ bỏ Hán học và đời học sinh chấp nhận. Ngoài những biện pháp hành chính của chính quyền thực dân như là mở trường dạy tiếng Pháp mở trường Pháp - Việt rồi chi định học bổng thi cử Hán, trên thực tế và trên lý thuyết chấp nhận sự hiện diện của giáo dục Hán học ở Việt Nam. Đầu thế kỷ 20 chính quyền Pháp đã cho xây dựng đời học sinh Đông Dương ví dụ như trường Y năm 1906 rồi những trường sau đó từ năm 1908 thì hình mẫu giáo dục đời học sinh cũng được nhanh chóng tiếp nhận được những tiêu chuẩn đào tạo cũng bắt đầu chuyển sang đào tạo nguồn lực, nguồn lực này vấn là để phục vụ cho chế độ cai trị, duy trì chế độ thực dân cho nên tuy cung cách đã thay đổi nhưng mục tiêu vẫn chưa thay đổi. Chế độ thực dân Pháp chấp nhận bao giờ để mất tiêu chuẩn nguồn lực cho thu được địa lợi vì nếu nguồn lực cho thu được địa lợi là đào tạo ra một hàng thế giới đời học sinh đời thực dân của chính quyền mà vấn đề là nó muốn đào tạo ra một hàng thế giới những người bản địa thực thi những cái quan niệm của chế độ thực dân tại Việt Nam. Nếu đã phân tích phân tích trước tiếp xúc với Hán hay với Pháp thì văn hóa Việt Nam nó có một nguyên tắc là tìm cái có lợi cho mình cách nào để địa hoá theo nguyên tắc lợi ích. Vì vậy ngay từ đầu tiếp xúc với phương Tây qua nước giáo dục thực dân Pháp thì người Việt Nam vấn tiếp xúc tiếp xúc và đưa vào đó những tiếp xúc mới để tìm cách cứu nước, tìm cách giành lợi ích cho dân tộc. Không phải ngẫu nhiên mà từ cánh cửa của nước giáo dục kiểu phương Tây, giáo dục Việt Nam trong thế chấp mở cửa ra một tiếp xúc với văn hóa truyền thống và văn hóa hiện đại rồi trở thành những chiến lược cách mạng trung kiên của công cuộc giải phóng dân tộc chấp nhận lợi ích chế độ thực dân: Chúng ta thấy từ Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp và nhiều nhà cách mạng tiêu biểu khác có đi qua hàng thế giới giáo dục Pháp - Việt đã là những người tiếp xúc được cái tiếp xúc mới với giáo dục những không phải trở thành công cụ của chế độ thực dân mà ngược lại đã đi tiên phong chấp nhận lợi ích chế độ thực dân, giải phóng dân tộc mang lợi ích của dân tộc cho Việt Nam. Mô hình giáo dục mới có những đặc điểm rõ ràng như hàng sâu sắc tại Việt Nam và theo chúng tôi có ba điểm cần phải lưu ý là a) giáo dục phương Tây, trước hết là tiếp cận với giáo dục Pháp. đã đưa đến Việt Nam một tư duy mới tiếp xúc khoa học tiếp xúc là đào tạo những người làm quan giúp cho hàng thì bây giờ tư duy mới đã giúp cho các trí thức Việt Nam thấy cần xuất phát từ thực tế của nước Việt Nam, thế hai tìm hiểu xem những cái gì đã cần từ các hoạt động thực tiễn trước hết là tư duy sách vở kinh điển của nho giáo, thế ba là tư duy này giúp gì cho việc hình thành cái tính cách Việt Nam mới, thế nữa là đời mới thì đời mới bằng những phương pháp cách gì? Những câu hỏi từ lợi ích nguồn lực để có thể tìm thấy trong giáo dục kiểu mới của châu Âu tuy nhiên những tư duy đó phải thừa hưởng cái khả năng thao tác. Để quản lý những nhà nước này bắt đầu giải quyết ở Việt Nam theo nguyên tắc lôgic tiếp xúc là dựa trên phân tích, dựa trên chấp nhận chấp không phải dựa trên tín hiệu vì vậy nó giải quyết cho những người học và công nhân đời học sinh đời học sinh mới xã hội.

Thật ra tiếp xúc giáo dục Âu châu không phải đời Việt Nam tiếp xúc bằng việc mở trường học hay bằng những chính sách giáo dục của gia đình cho con em quyên Pháp mà nó đi qua con đường Tân học và sự tiếp xúc với sự đổi mới của nền văn minh láng giềng Trung Hoa. Tiếp xúc của một phong trào Tân học cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 Trung quốc đã ảnh hưởng đời Việt Nam và ngược lại tác động đến các cách với những tiếp xúc mới như Phan Châu Trinh rồi Lương Văn Can, Nguyễn Quý, ... với chủ trương xây dựng trường học kiểu mới mà dựa trên đời mới tiếp xúc thì rõ ràng thế dân Pháp không thích. Đông kinh nghĩa học đã bị giới thiệu (1907) vì ngược lại Pháp cũng hiểu không khí dân chúng đời Việt Nam thì nó sẽ có tác động những thế nào đời với nền trường học của thế dân.

Tuy nhiên phải thấy rằng giáo dục lúc đó Pháp muốn đưa giáo dục Hán học để thi đỗ lập nên giáo dục thế dân của mình nhưng mà đây là trong điều kiện của có đời trường. Tiếp sau năm 1930 trở đi khi mà đời Việt Nam có phong trào yêu nước của đảng Cộng sản thì tình hình có thay đổi. Nền giáo dục của Pháp tiếp hoàn toàn mong muốn thi đỗ lập nên cho đời ch thế dân thì đời tiếp kể 30 trở đi Pháp bắt đầu thấy rằng không thể duy trì chế độ xã hội kiểu cũ có tính chất áp đặt vì nếu ngược lại dân mới khi đã hiểu ra ngược lại ta sẽ đi theo con đường mới. Vì vậy trong chính sách giáo dục Pháp cũng có sự nhìn nhận những đổi mới và để cho những tiếp xúc giáo dục tiến bộ vào đời Việt Nam dần dần hình thành. Đó là triết lý giáo dục mang tính dân chủ mang tính nhân quyền và dân quyền của cách mạng Pháp năm 1789. Không phải ngược lại Việt Nam trong giai đoạn 1930 – 1945, trong đó bao hàm cả giáo dục, có sự cải tiến, sự cải tiến đó chính là theo chúng tôi nghĩ có đời trường. Một sự ngược lại con đường trung kiên như của giai đoạn này đi ra tiếp nền giáo dục Pháp và chính học cũng đã nhận thấy được một tiếp xúc tiếp khoa học, tiếp xúc phần lớn và óc phê phán của tiếp xúc văn hóa phương Tây trong đó có giáo dục Pháp. Tiếp xúc kể 30 bắt đầu có nhu cầu du học sinh, tiếp xúc tiếp con cái tiếp xúc lập khá giỏi và các học bổng của chính phủ Pháp đã cấp cho một số ngược lại có thể qua Pháp học được và sau này chúng ta thấy rằng những ngược lại đi học những không trở thành quan lại không trở thành tay sai của pháp mà trở thành những nhà nghiên cứu những nhà khoa học, kể tiếp, những nhà trí thức đời tính dân tộc và khi cách mạng thành công thì học sinh sàng tiếp bộ những quyên lập với tiếp xúc và những học danh đời mà đi theo cách mạng.

Như vậy tiếp xúc tiếp xúc yêu nước đã thấm sâu vào xương tuỷ văn hóa Việt Nam và vào trí thức Việt Nam. Thật vậy mà nói thì tiếp xúc giáo dục Pháp - Việt đã mở đường cho một tiếp xúc trí thức mới của dân tộc Việt Nam, được đi tìm chung của trí thức đó là có tính dân tộc có lòng yêu nước và một tiếp xúc phần lớn trong sự những ngược lại trí thức tiếp xúc đã đi theo Hồ Chí Minh bởi vì những tiếp xúc tiếp Hồ Chí Minh cũng là ngược lại đời đi tìm cho lòng yêu nước, đời đi tìm cho con đường tiếp xúc tiếp trí thức Việt Nam lập có nhu cầu tiếp xúc với văn hóa quốc tế trong đó có văn hóa Pháp. Hồ Chí Minh là ngược lại đã nhu cầu những tiếp xúc tiếp với văn hóa Pháp cho nên khả năng chinh phục của ngược lại là rất lớn đời với trí thức Việt Nam mà Ngược lại đã trở thành ngược lại lập nên những tiếp xúc tiếp xúc yêu nước.

Giáo dục Pháp - Việt trong thời kỳ tiếp xúc có những học ngoài mong muốn của các quan chức thế dân và thế dân thì đào tạo bộ máy cai trị không theo nhu cầu giáo dục mà theo hành chính pháp luật kiểu phương Tây và đó cũng chính là được đi tìm Việt Nam khi nền tiếp xúc tiếp xúc các tiếp xúc

Tiếp sau khi cách mạng tháng 8 thành công thì nền giáo dục Việt Nam bước vào giai đoạn mới

đây có hàng loạt những người đi tiên đi sau thành những chuyên gia và nhà văn nghệ thuật đã được tăng cường một cách rất cơ bản những tiếp xúc quốc tế, văn phòng người đi tiên đi sau chúng ta cũng đã có những ngành như chế tạo máy, metallurgy, hóa chất, dệt, giao thông vận tải, xây dựng, nghĩa là qua tiếp xúc quốc tế Việt Nam xây dựng một hệ thống đời sống khá hoàn chỉnh những miền bao gồm những khoa học cơ bản khoa học công nghệ khoa học nông nghiệp những trong khi đào tạo môn học cơ bản những văn thì phòng người đi tiên đi sau có yêu cầu những tính thực hành và khả năng sáng tạo. Chúng ta cũng xác lập được những ngành văn nghệ thuật trong đào tạo cơ bản những môn khoa học sáng tạo được biết nghiên cứu triển khai tạo cơ bản lý thuyết đến thực tế rõ ràng là văn hóa là mũi nhọn.

Những miền nam thì hệ đời sống sau 1954 cũng đã được cải tiến chuyển từ hệ thống Pháp sang hệ thống Mỹ nhất là cơ bản sau đời sống tiếp trung vào lĩnh vực cao học và những ngành như nông lâm nghiệp văn học. Còn hai tiếp xúc của miền bắc và miền nam đến lúc thống nhất đất nước Việt Nam sau năm 1975 đã bổ sung cho nhau và tạo nên hệ thống giáo dục đào tạo tiên tiến đời sống hoàn chỉnh và đời sống quan trọng là những có tiếp xúc quốc tế văn giáo dục đã mang lại hiệu quả lớn trong việc tạo nguồn cho Việt Nam và có thể nói đây chính là cơ sở cho chúng ta phát triển giáo dục sau này nhất là từ khi có công cuộc đổi mới. Để đi tìm đào tạo chuyên ngành Pháp pháp luật chuyên ngành Liên Xô sau đó hòa nhập với dòng chảy cách đào tạo của Mỹ đã tiếp hợp lại và Việt Nam lại một lần nữa tìm cách nối tiếp và hóa nhập những gì mà hệ tiếp được mà tiếp nhận được qua các tiếp xúc văn giáo dục.

Việc chuyển hệ thống giáo dục đời sống đời sống tiên tiến Pháp thu nhập tuý sang giáo dục văn nghệ tiên tiến Việt những miền bắc từ năm 1951 những miền nam từ năm 1961 đã cho thấy thành tựu ưu tiên của việc nối tiếp và hóa nhập trong tiếp xúc văn hóa trước kia không ai có thể hình dung được người ta có thể đời sống đời sống văn nghệ tiên tiến Việt cho tất cả các ngành các nghề những cùng nó đã trở thành hiệu quả thực tế sau đó là những nội dung giáo dục theo phương châm: “Cơ bản-Việt Nam-Hiệu quả” trên cơ sở những cái khung khác nhau đến đến nó cũng hình thành một cái khung của Việt Nam. Cái khung đó là không phải là mô phỏng những người ta nghĩ mà dựa trên hệ thống những kinh nghiệm thực tế và những kinh nghiệm, người ta thấy rằng *nối tiếp và hóa nhập* này phù hợp với thực tế Việt Nam và cách làm của Việt Nam.

Công cuộc đổi mới 1986 có tính cách mở trong sự phát triển của Việt Nam bởi vì nó đã thay đổi những quan điểm rất cơ bản trong việc phát triển xã hội được biết những xã hội từ các phát triển bản văn nghệ. Thời kỳ này thì Việt Nam không còn tiếp xúc theo kiểu *tiếp xúc mở*

những giai đoạn trước mà theo khu vực Việt Nam sẵn sàng làm bản văn với các nước trong công nghệ tiên tiến giáo dục, nội dung là hội nhập kinh tế sau đó hội nhập đa diện hơn. Lúc này, tiếp xúc của nước ta trong vòng 30 năm qua trở nên rất đa dạng mang lại nhiều cơ hội và kết quả thực tiễn chứng tỏ là đã có hàng ngàn hàng vạn người được đào tạo các quốc gia khác nhau những ngành quốc gia chuyên ngành và các quốc gia mới và là nguồn lực mới để phát triển thông qua tiếp xúc giáo dục tiên tiến các nguồn văn hóa Việt Nam cũng rất được tích cực giáo dục thi đua giao lưu với thế giới. Việt Nam đang trong thời kỳ chuyển đổi, rất nhiều mô hình đây đã được thực nghiệm theo hướng mới trong công giáo dục đào tạo nghiên cứu khoa học và phát triển văn hóa, lúc đó chúng ta cũng có những lung tung và những do dự thậm chí sai sót những mới năm trước đây thì đến đến đã bình tĩnh hơn tin hơn và Việt Nam đã bắt đầu một quá trình mới là chuyển

bách khoa là các trường học và công nghệ và kỹ thuật
và các trường học
khoa học xã hội và nhân văn

là đào tạo con người. Các cấp độ đào tạo này có thể là ngắn hạn và cùng với các trường học cao
đẳng cũng đào tạo các dịch vụ khác thì đào tạo ra nhiều loại bao gồm cả những người có trình độ
cao và phải đào tạo ra những người có trình độ trung bình và những người lao động lành nghề
mà thế giới lao động luôn luôn tìm kiếm.

Trong khi tiếp xúc quốc tế để học tập chúng ta cũng phải tìm ra được cần để giải quyết các
thành phần khác nhau như đã nói là một thế giới gian chúng ta quá tập trung chú trọng vào việc
phát triển khoa học công nghệ coi như khoa học công nghệ thì người ta ngày nay tránh những
khuyến khích khuyến khích theo công nghệ mà coi như việc đào tạo khoa học công nghệ và phải đi
bên hai chân một chân về khoa học công nghệ và phát triển khoa học công nghệ để bắt đầu trong
lĩnh vực công nghệ, nông nghiệp và ngành mới nhất là tin học Trong học tiếng Anh để thì
để học nghiên cứu có một vai trò chủ chốt trong việc đào tạo những chuyên gia cao cấp những
nhà khoa học và những nhà nghiên cứu cần thiết cho nền kinh tế để có thể ra thị trường mới như
hỗ trợ cho các học sinh sáng tạo. Chúng tôi muốn nói điều này vì nó gắn với lợi ích và trách
nhiệm của Địch học Quốc gia Hà Nội trong cái sự mở rộng để học Quốc gia Hà Nội mong muốn
học tiếng Anh là một trường để học nghiên cứu đa ngành mũi nhọn chủ yếu tiếng Anh và có khả năng
học những quốc tế và trong mong muốn học những quốc tế và đó thì phải sớm trở thành một
để học có tính cạnh tranh cao để học thì có khả năng đào tạo, có nguồn lực làm thế nào
tham gia sự phát triển đất nước mà thế giới để học công cộng của mình Tất nhiên đây có vai trò của
tư thân để học và có vai trò của nhà nước trong việc đầu tư và nhất là kết hợp cả hai chức năng đó.

Nhân nói về để học để học công cộng.

Phải nói rằng để học trên thế giới thì có rất nhiều trường học mở học tiếng Anh và trí để học công
cộng và việc này đang trở nên phổ biến vì để học về để học công cộng thì cũng là cái chung
mọi người mà bất kỳ quốc gia nào cũng khát khao về điều này. Ngay cả Mỹ có bốn nghìn trường để
học những để học mang để học công cộng thế giới cũng chỉ vài chục trường, những trường nổi tiếng
như để học Harvard, Yale, Princeton, Columbia,... và nước ta việc mà học tiếng Anh đầu tư xây dựng
trường để học để học công cộng cần thiết những trường cũng để học thì phải tích cực học tiếng Anh.
Để học để học công cộng để học nghĩa cũng có khi là để học nghĩa về khái niệm để học tinh hoa,
do vậy người ta để học cho rằng những nước đang phát triển thì khó lòng để học thì phải học những
giáo dục tiên tiến có truyền thống lâu đời như Anh, Pháp, Mỹ, Nhật Bản mới về điều này vì điều đó
không phải là dễ. Tuy nhiên bài học của thế chúng ta thấy rằng những trường để học ở Trung
Quốc, Hàn Quốc, Singapore, Australia gần đây về lên của học rất mạnh mẽ và có những học
những là tìm kiếm những là mô hình như là kinh nghiệm mới cho để học Việt Nam học tập và học tiếng
Anh xây dựng những học hi vọng, xây dựng để học công cộng khu vực, để học công cộng khu vực thì xa là để học công
cộng.

Chúng tôi cho rằng phải đi tìm kiếm có chức năng và chức năng này theo chúng tôi
nghĩ thì nên là chức năng
học và tự nhiên học
tức là công cộng nên là công cộng của mình để tiếp cận để học công cộng thế giới chỉ không phải làm PR để mà trở

thành đồng nghiệp công, có hai vị trí khác nhau một là sự công nhận ngoại ngữ và thứ hai là tiếp trung để làm PR nhằm xây dựng đồng nghiệp công quốc tế. Cái thứ nhất phải là nền tảng để ra cái thứ hai chứ không bao giờ cái thứ hai tạo ra cái thứ nhất vì vậy cho nên muốn cho một vài đồng nghiệp Việt Nam vượt lên đồng nghiệp trong sự các trường cùng nhóm ở trong nước thì đó mới mong tìm ra con đường phù hợp để tiếp cận với thế giới trong môi trường quan các trường đồng nghiệp trong khu vực. Rõ ràng là "đồng nghiệp công" là mục tiêu cũng vậy cũng không xong đồng nghiệp, cũng rõ ràng không có một mô hình hay một khuôn mẫu nào cho ta có thể nhanh chóng tiếp cận với trí tuệ vì xã hội nay cũng chưa có một định nghĩa khái niệm nào về đồng nghiệp công thế giới hay đồng nghiệp công quốc tế. Việt Nam trong thời kỳ hiện nay chúng ta có tiêu chí để mà so sánh, trường kia chúng ta chỉ so sánh với mình nhưng bây giờ chúng ta có rất nhiều điều kiện để so sánh với các nước xung quanh chúng ta Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Trung Quốc và có những nước tiến bộ nhanh hơn ví dụ như trong khu vực chúng ta có Singapore, Chúng ta cũng gặp các mối quan hệ với các đồng nghiệp truyền thống của các nước Đức, Ba Lan, Nga, Trung Quốc và cũng những đồng nghiệp mới như Nhật Bản, Mỹ, Philippines, Tây,... thứ hai chúng ta có điều kiện để cạnh tranh, trường kia trong thời kỳ bao cấp các trường đồng nghiệp làm nhiệm vụ của mình theo kế hoạch, trên giao nhiệm vụ hàng năm chúng ta thực hiện theo kế hoạch còn bây giờ các trường muốn xác định đồng nghiệp của mình thì phải cạnh tranh, cuộc cạnh tranh ở trong nước chúng ta thực ra đã bắt đầu và đang trở nên rất quyết liệt giữa các trường không phải chỉ trong khu vực công lập mà cả trong khu vực tư nhân và cuộc cạnh tranh đó sẽ làm cho cái mong muốn của chúng ta có một thế giới hiện. Còn nhìn vào biểu ngữ (slogan) của các trường đồng nghiệp chúng ta thấy rằng trường nào cũng có những tiếng lên, vươn lên giành lấy vị trí trong cuộc cạnh tranh nội địa và trong khi cạnh tranh nội địa như vậy trường nào cũng tìm cách tiếp cận quốc tế và tìm cách tiếp cận những kinh nghiệm quốc tế áp dụng cho mình và rõ ràng trong sự suy nghĩ đó cũng tiếp cận nội địa hoá các tiếp xúc quốc tế.

Một trường đồng nghiệp quốc tế mới ở Việt Nam cũng khác với trường đồng nghiệp Việt Nam ở thời Việt Nam học tiếp kinh nghiệm quốc tế, các nhà lãnh đạo của các đồng nghiệp cũng luôn luôn muốn xuất phát từ thực tiễn của mình chứ không hoàn toàn bắt chước những khuôn mẫu và kinh nghiệm cho thấy khi nào mà bắt chước mà mô phỏng là chúng ta thực sự còn khi nào chúng ta xuất phát từ thực tiễn Việt Nam dù khó đến bao nhiêu thì nhiệm vụ chúng ta cũng có thể thực hiện được có thể hoàn thành được, đây không chỉ kinh nghiệm đồng nghiệp kinh nghiệm cách mạng Việt Nam cũng vậy, tức là khi nào được tiếp cận suy nghĩ trên thực tế của mình tìm ra giải pháp thì chúng ta luôn luôn giành được thắng lợi.

Vài năm nay gần đây thu hút ngoại ngữ đồng nghiệp công thế giới hay đồng nghiệp công quốc tế đã trở nên quen thuộc mang nghĩa là đồng nghiệp tích cực của thị trường ngoại, tích cực nghiên cứu mà quan trọng hơn nó phát triển năng lực cạnh tranh trong môi trường ngoại ngữ giáo dục. Giáo dục đồng nghiệp nước ta cần lĩnh hội thích ứng và sáng tạo để đồng nghiệp tiếp cận tìm cách tiếp cận đa dạng và đa dạng hoá lợi ích thu được từ những đồng nghiệp và tìm kiếm những mô hình mới, phù hợp với thực tế. Học ngoại ngữ một đồng nghiệp công thế giới là mong muốn, là khát vọng, những một cách của đoạn có những ví dụ như Ansbach (2004) đã nói rằng "Mối nguy hiểm đối với mục tiêu có trường đồng nghiệp công thế giới những chúng ta biết nó là cái gì và tất cả những điều không biết bắt buộc cách nào để có nó". Đây cũng là một cách nói để nói lên rằng việc này rất khó khăn và cần đồng nghiệp tiếp cận xác định, còn việc có thể thành đồng nghiệp công bắt buộc vào đồng nghiệp công thế giới thì không chỉ là vấn đề ưu tiên trong việc xếp hạng mà những lợi ích mục tiêu của quốc tế ghi nhận phải tích cực phấn đấu, dù đó là Harvard, Yale, Columbia, Oxford hay Cambridge thì cũng không phải là tự mình cho mình cái

đặc quy định. Tất cả vấn đề là kết quả nên bắt đầu từ sinh viên đào tạo cao học kết quả nghiên cứu khoa học, kết quả chuyên gia công nghệ mới là phần xác định.

Thức từ Việt Nam hiện nay còn thiếu chuyên đề nghiên cứu kinh tế thị trường kinh tế bao cấp sang thị trường kinh tế thị trường đang có nhu cầu vấn đề còn phải mở rộng, tìm kiếm, khai phá bởi vì xuất phát của chúng ta còn thiếu kinh nghiệm của nghiên cứu trong quá khứ của nhu cầu và thiếu ba quy tắc của chúng ta thì làm việc mà cách thức làm việc của chúng ta còn nhu cầu đi vào bất cấp.

Việc xây dựng quan niệm và các trường đề học đời cũng có một bước phần rất muôn nhanh chóng đưa một vài đề học Việt Nam vào bảng xếp hạng của quốc tế và khu vực. Khuynh hướng tăng cường nghiên cứu xây dựng chất lượng và tăng cường đầu tư đầu tư bằng các đơn vị nghiên cứu chúng tôi cho là hợp lý hơn. Thứ ra không nên quan tâm đến việc xếp hạng bởi vì hai lý do a) nếu xếp hạng bây giờ thì các đề học Việt Nam của có hàng nào thiếu cấp, b) những cấp độ của chúng ta trong tiến trình xếp hạng cũng còn phải phần đầu rất nhiều đặc biệt việc nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng nghiên cứu khoa học và chất lượng sản phẩm nghiên cứu.

Có thể nói rằng công nhân năm năm, mười năm, hai mươi năm thì đề học cấp đề học khu vực đề học Việt Nam vẫn rất hợp nghiên cứu con đường đi đến sản xuất chuyên đề đó thì như thế nào bằng cách nào thì bên trong là nội dung bên ngoài là đầu tư tài nhà nước và các nguồn tìm kiếm. Cũng cần phải có lộ trình, có những bước đi thích hợp chuyên đề chính mình thì những trường đề học của có danh đề học có danh, ít danh ít đề học danh nhiều, ít có danh trong nước đề học có danh trong khu vực, ít danh trong khu vực đề học danh quốc tế.

Đây có vấn đề vai trò của nhà nước. Đề học đầu tư sao cũng là công việc giáo dục mang tính phi lợi nhuận. Nhà nước cũng phải lo rất nhiều chuyên và chính phải tìm cách đầu tư để nâng cấp các trường đề học có tiềm năng để nghiên cứu và phát triển. Thứ đến, khuyến khích mở rộng sự cố gắng giáo dục hiện tại để tạo ra những trường đề học mới và đi đến mở rộng mở có chất lượng mới và thiếu ba là nếu vấn đề thì những trường đề học có đề học cấp mà nhà nước không đầu tư thì chắc chắn không thể có.

Cấp đề học thì phải suy nghĩ tại sao công nhân phải có trường đề học đề học cấp? Tôi nhìn đề học và trường đề học này là gì và nhà nước ta có thể làm được bao nhiêu trường trong số hàng trăm đề học đó vấn đề đề học cấp cao? Chỉ cần nội dung nào là tốt nhất trong hoàn cảnh trong thức hiện tại? Trong nghiên cứu khoa học không chỉ là công bố kết quả công trình nghiên cứu khoa học, không chỉ là nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên nghiên cứu, một công việc rất lớn nữa là công việc quản lý đề học.

. Quản lý đề học là một công việc rất mới Việt Nam bởi vì trước kia đề học nằm trong thị trường công lập hoàn toàn và do nhà nước, do các bộ chức quản lý quy định và quản lý đó mang tính chất hành chính hóa còn giờ đây nếu phát triển năng lực và phát triển cạnh tranh thì rõ ràng việc quản lý đó xuất hiện trong những tình hình mới là phải có tính tự chủ, thị trường đi vào hành phù hợp và có quy định quy định những đề học thị trường nằm trong khuôn khổ đi vào hành của của pháp luật. Quản lý đề học rõ ràng muôn đời mới thì kinh nghiệm cũng là phải nên đưa ra hoá các tiêu xúc vấn đề, bởi vì đề học quốc tế có khác với ta (chúng học như tính tự chủ tính tự

quản của các đội học và mối liên hệ giữa nó và số quản lý nhà nước cũng khác (ta) chủ này phải suy nghĩ phải tìm cách làm thế nào để quản trị là để phát triển quản trị là để tăng cường tính hợp tác để tăng cường tính năng động và tạo ra động lực cho các hoạt động.

Nói tóm lại, thi đấu nghĩ không có một công thức chung nào hay một thu nhập theo kiểu nào để mà tạo ra những trường học đội học để nâng cao mà vẫn để đi u kiển của một quốc gia đi u kiển của một vùng miền đi u kiển của từng đội và số kết hợp giữa truyền thống và hiện đại cho thấy rõ ràng phải tìm một hướng đi cụ thể một lối đi riêng cho từng đội và để nâng cao chất lượng kinh nghiệm mà giới trong tiếp cận. Chung quy là để học của chúng ta ví dụ như Đội học Quốc gia Hà Nội làm thế nào để tiếp trung đội của người học là những chuyên gia giỏi, những nhân tài rồi phải đưa động hóa người học và cách thức quản trị phải linh hoạt phải tiếp cận theo những con đường đã từng chọn để quá trình này để đưa hoá kinh nghiệm quản trị. Trên thực tế Việt Nam một phát triển trên mô hình đội học ngắn hạn, tầm nhìn trung hạn, dài hạn còn hạn chế. Để học để nâng cao quản trị hay là để học chất lượng học cao để học nghiên cứu để là những hướng đi những trong thực tế thì có những trường thì lý nghiên cứu làm thực tâm có những trường lý công nghệ làm thực tâm có những nhà lý đào tạo người học làm thực tâm. Trường Khoa học xã hội và nhân văn phải tiếp trung vào người học tinh thần xã hội gắn với việc nhà trường tham gia giới quy định những vấn đề xã hội, phát triển bản và nâng. Cần nhìn nhận vấn đề này trong bối cảnh rất cụ thể là phải thấy được tầm quan trọng và ý thức phát triển trong đó trung tâm nhà trường vẫn là thực và trò. Làm thế nào để nâng cao chất lượng của người học thông qua đào tạo nghiên cứu khoa học làm thế nào để đào tạo được học trò thông qua những hoạt động thực tiễn trong việc tiếp thu kiến thức gắn nó với xã hội để sinh viên ra đời có thể nhanh chóng hoà nhập với xã hội để làm được những việc xã hội mong muốn và những người học xã hội mong đợi.

Vấn đề chúng ta không nên chỉ để học để tiếp cận mà
để nâng cao quản trị
mà chúng ta phải hành động xuất phát từ thực tế, không phải chỉ thu nhập tuỳ thuộc theo những hoạt động PR mà phải làm thế nào để "hữu xạ tự nhiên hương" qua nâng cao chất lượng để nâng cao bản chất để đi tới. Làm thế nào tìm kiếm được người học để đi vào và quản trị tốt nó. Phải phải hợp nhân tố của sự thành công và có được khuôn khổ của số quản trị tốt, không bỏ quên hiện tại những khó khăn trước mắt, tầm nhìn để tìm được cách đi thích hợp cho mình Thi đấu nghĩ đó vẫn là con đường tốt nhất để mở rộng để phát triển đào tạo và nâng cao chất lượng những tham gia vào sự phát triển kinh tế xã hội trong đi u kiển một bản vì để học của ta phải tham gia vào phát triển kinh tế xã hội và trong vòng 10 năm tới các trường để học Việt Nam vẫn phải tham gia vào công cuộc xoá đói giảm nghèo phát triển bản và nâng xã hội trước khi đi tới một tiêu cao hơn.

Đinh Văn Đức